TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/DS-ST

Ngày: 12 – 9 – 2019

V/v:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Bùi Thị Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà: **Nguyễn Thị Tiến**

2. Ông: **Trần Xuân Giới**

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà **Hoàng Vân Anh**– Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:***Bà **Vũ Ngọc Quyên** – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại Phòng xử án Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 04 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2019/QĐST-DS ngày 22/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP ĐA (viết tắt SB)**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 25, Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Lê Quang T, CMND số 100674932, cấp ngày 23/3/2007 tại Công an tỉnh Quảng Ninh. Chức vụ: chuyên viên xử lý nợ ngân hàng TMCP ĐA- là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Bùi Doãn L** - Sinh năm 1977 và bà **Văn Thiên H** - sinh năm 1977.

Cùng cư trú: Tổ 21, khu 1, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2019 và trong quá trình xét xử, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Lê Quang T trình bày: Ngày 04/3/2016, ông/bà Bùi Doãn L - Văn Thiên H và Ngân hàng SB Quảng Ninh đã ký hợp đồng tín dụng cá nhân số 206/2016/HĐTD/QN với nội dung chính như sau: Số tiền vay

450.000.000đồng *(Bốn trăm năm mươi triệu đồng*). Mục đích vay: sửa chữa nhà ở. Thời hạn: 120 tháng kể từ ngày 04/3/2016 đến ngày 04/3/2026. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 9,9%/năm trong 12 tháng đầu. Lãi suất cho vay bằng lãi suất VNĐ kỳ hạn 13 tháng của sản phẩm tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ đối với khách hàng cá nhân cộng biên độ lãi suất 4,2%/năm.

Thực hiện theo hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng SB đã tiến hành giải ngân cho ông Bùi Doãn L, bà Văn Thiên H theo 01 giấy nhận nợ với số tiền nhận nợ là 450.000.000đồng *(Bốn trăm năm mươi triệu đồng*).

Tài sản bảo đảm khoản vay là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 243, tờ bản đồ số 6, diện tích 55,9m2, địa chỉ: tổ 9, khu 1, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền số CB794160, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH06176 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 01/2/2016 cho bà Văn Thiên H. Tài sản được thế chấp cho Ngân hàng SB theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 206/2016/HDTC/SQN, số công chứng 66, quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/3/2016 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Ninh. Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của Pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Bùi Doãn L, bà Văn Thiên H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng SB theo quy định của Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ dẫn đến khoản nợ bị quá hạn. Ngân hàng SB đã nhiều lần thông báo yêu cầu ông Bùi Doãn L, bà Văn Thiên H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng SB theo quy định của hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ dẫn đến khoản nợ bị quá hạn. Ngân hàng SB nhiều lần thông váo yêu cầu ông Bùi Doãn L, bà Văn Thiên H để trả nợ nhưng ông L, bà H vẫn không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng và có biểu hiện kéo dài thời gian nhằm cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ các quy định tại hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật, Ngân hàng SB đã quyết định thu hồi toàn bộ khoản nợ trước hạn. Tạm tính đến ngày 12/9/2019, ông Bùi Doãn L, bà Văn Thiên H còn nợ ngân hàng tổng số tiền 301.454.936 đồng (*Ba trăm linh một triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng*). Trong đó 299.647.795 đồng (*Hai trăm chín mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bẩy nghìn bẩy trăm chín mươi lăm đồng*) tiền gốc và 1.807.141 đồng (*Một triệu tám trăm linh bẩy nghìn một trăm bốn mươi mốt nghìn đồng*) tiền lãi.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng SB nên Ngân hàng đã đề nghị Tòa án:

1. Buộc ông Bùi Doãn L, bà Văn Thiên H thanh toán cho SB tổng số tiền tính đến hết ngày 12/9/2019 là 301.454.936 đồng (*Ba trăm linh một triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng*). Trong đó 299.647.795 đồng (*Hai trăm chín mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bẩy nghìn bẩy trăm chín mươi lăm đồng*) tiền gốc và 1.807.141 đồng (*Một triệu tám trăm linh bẩy nghìn một trăm bốn mươi mốt nghìn đồng*) tiền lãi.

2. Buộc ông Bùi Doãn L, bà Văn Thiên H thanh toán lãi, phí, phạt phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng trên kể từ ngày 13/2/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Kể từ ngày bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành, ông Bùi Doãn L, bà Văn Thiên H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng SB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

4. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng SB thì ông Bùi Doãn L, bà Văn Thiên H vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng SB cho đến khi tất toàn toàn bộ các khoản vay.

Đối với bị đơn: ông Bùi Doãn L và bà Văn Thiên H, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý, giấy triệu tập cho bị đơn nhưng ông L, bà H không có mặt tại nơi cư trú, người nhà của ông L, bà H nhận thay và cam kết chuyển các văn bản của Tòa án cho ông L, bà H.

Ngày 12/5/2019, bà Văn Thiên H có đơn trường trình gửi Tòa án với nội dung: Tháng 3/2016 bà và ngân hàng TMCP ĐA(SB) có ký kết một hợp đồng vay vốn thế chấp sổ đỏ mang tên chính chủ là Văn Thiên H. Hợp đồng sẽ được trả cả gốc và lãi cuốn gói vào hàng tháng với số tiền là 450.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*). Từ cuối năm 2018 do tính chất công việc của gia đình bà thay đổi nên ông bà phải đi làm ăn xa nên phần trả tiền cho bên ngân hàng cũng bị chậm trễ. Vấn đề khởi kiện của ngân hàng bà không hề hay biết và cũng không nhận được thông báo của bên ngân hàng, mới gần đây bà mới biết được thông qua anh trai bà. Cũng bởi vì làm ăn xa nên giấy triệu tập của Tòa án tôi đã không có nhà nên bà đã không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết công việc cho gia đình bà. Về vấn đề trả nợ cho ngân hàng, gia đình bà vẫn tiếp tục trả nợ, số nợ quá hạn sẽ trả hết một lần. Số tiền gốc còn lại vợ chồng bà sẽ trả cả gốc và lãi vào quy định hàng tháng. Anh trai bà là Văn Thiện Chiến trú tại tổ 9, khu 1, phường G, thành phố H sẽ là người trực tiếp đóng tiền vào ngân hàng giúp bà. Cũng vì điều kiện khó khăn nên bà mong Tòa án và ngân hàng TMCP ĐAtạo điều kiện cho gia đình bà để bà có thể chi trả số tiền còn lại cho ngân hàng như đúng thời hạn đã ký trong hợp đồng.

Do nhiều lần gửi văn bản nhưng ông L, bà H không nhận văn bản trực tiếp nên Tòa án đã niêm yết các văn bản như thông báo về phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của ông Bùi Doãn L, bà Văn Thiên H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng được đảm bảo theo quy định của pháp luật; Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP ĐAvà buộc ông Bùi Doãn L, bà Văn Thiên H phải thực hiện trả toàn bộ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã ký kết

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP ĐAkhởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Bùi Doãn L, bà Văn Thiên H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự do đó việc Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xem xét thẩm định tại chỗ; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập để giải quyết vụ án tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông L và bà H nhưng đều vắng mặt không có lý do. Bà Văn Thiên H biết được việc khởi kiện và có đơn trình bày quan điểm gửi Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc.Trường hợp này được coi là cố tình vắng mặt và không hợp tác với Tòa án nên Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung, tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng cho đương sự theo quy định tại Chương X của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn không ảnh hưởng đến tính khách quan khi giải quyết vụ án, đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và các quy định khác có liên quan của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Việc ký kết các hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số 206/2016/HĐTD/QN ngày 04/3/2016 giữa Ngân hàng TMCP ĐAvới ông Bùi Doãn L và bà Văn Thiên H và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 206/2016/HĐTC/QN ngày 4/3/2016, số công chứng 66, quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/3/2016 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Ninhlà có căn cứ và đúng pháp luật.

Các hợp đồng trên, các bên đương sự tự nguyện ký kết theo sự thỏa thuận của các bên, hợp đồng đã có hiệu lực và được các bên triển khai thực hiện.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP ĐAyêu cầu ông Bùi Doãn L và bà Văn Thiên H phải trả cho Ngân hàng số nợ tổng số tiền tính đến hết ngày 12/9/2019 là 301.454.936 đồng (*Ba trăm linh một triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng*). Trong đó 299.647.795 đồng (*Hai trăm chín mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bẩy nghìn bẩy trăm chín mươi lăm đồng*) tiền gốc và 1.807.141 đồng (*Một triệu tám trăm linh bẩy nghìn một trăm bốn mươi mốt nghìn đồng*) tiền lãi và toàn bộ các khoản lãi phát sinh từ ngày 13/9/2019 cho đến khi ông L, bà H thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng nêu trên thì thấy:

[2.2.1] Đối với Hợp đồng tín dụng số 206/2016/HĐTD/QN ngày 4/3/2016 của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á ký kết với ông L, bà H. Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân một lần theo giấy nhận nợ số 01 ngày 09/3/2016 với số tiền là 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*) có thể hiện chữ ký của ông L và bà H. Kể từ ngày vay đến hết ngày 12/9/2019, ông L, bà H đã trả được 399.434.709 đồng *(Ba trăm chín mươi chín triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn bẩy trăm không chín đồng*) tiền gốc, lãi tuy nhiên việc trả nợ của ông L, bà

H không đúng hạn, vi phạm ngĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Cụ thể vi phạm Điều 3 và Điều 10 của Hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu ông L, bà H trả số tiền tính đến ngày 12/9/2019 là 301.454.936 đồng (*Ba trăm linh một triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng*). Trong đó 299.647.795 đồng (*Hai trăm chín mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bẩy nghìn bẩy trăm chín mươi lăm đồng*) tiền gốc và 1.807.141 đồng (*Một triệu tám trăm linh bẩy nghìn một trăm bốn mươi mốt nghìn đồng*) tiền lãi và toàn bộ các khoản lãi phát sinh từ ngày 13/9/2019 cho đến khi ông L, bà H thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng nêu trên, xét yêu cầu này của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2.2] Đối với số tiền lãi: Hội đồng xét xử thấy Ngân hàng đã tính đúng và đủ theo lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đồng thời buộc ông L, bà H tiếp tục phải trả khoản lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 13/9/2019 cho đến khi ông, bà thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng đăng tín dụng đã ký.

[2.2.3] Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 206/2016/HĐTC/QN ngày 4/3/2016, số công chứng 66, quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/3/2016 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Ninh. Xét thấy, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định, tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tại thời điểm thẩm định không có gì thay đổi. Diện tích đất 55,9m2 đúng với diện tích thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có 01 nhà 02 tầng, tường gạch, mái bằng, cơ bản không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Văn Thiên H. Bà Văn Thiên H đã thế chấp vay tiền, hợp đồng thế chấp được ký hoàn toàn tự nguyện, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật.

[2.2.4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc: Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành, ông Bùi Doãn L, bà Văn Thiên H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng SB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi nợ và nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng SB thì ông Bùi Doãn L, bà Văn Thiên H vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng SB cho đến khi tất toán toàn bộ các khoản vay.

Yêu cầu này của ngân hàng TMCP ĐAkhông nằm trong yêu cầu giải quyết về hợp đồng thế chấp tài sản nên không xem xét giải quyết trong bản án.

[3] Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào: Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471; Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á(SB) về việc yêu cầu ông Bùi Doãn L, bà Văn Thiên H về việc trả nợ gốc, lãi và các khoản phí, phạt phát sinh.

2. Buộc Ông Bùi Doãn L, bà Văn Thiên H phải trả cho Ngân hàng TMCP ĐAtoàn bộ số tiền tính đến ngày12/9/2019 là 301.454.936đ *(Ba trăm linh một triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn, chín trăm ba mươi sáu đồng)*. Trong đó 299.647.795đ (*Hai trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi bảy nghìn, bảy trăm chín mươi lăm đồng*) tiền gốc và 1.807.141đ (*Một triệu, tám trăm linh bảy nghìn, một trăm bốn mốt đồng*) tiền lãi.

Kể từ ngày 13/9/2019 ông Bùi Doãn L, bà Văn Thiên H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 206/2016/HĐTD/QNngày 04/3/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Văn Thiên H và ông Bùi Doãn L vẫn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng SB theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 206/2016/HĐTC/QN ngày 4/3/2016, số công chứng 66, quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/3/2016 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Ninh để đảm bảo thi hành án.

3.***Về án phí***: Buộc ông Bùi Doãn L, bà Văn Thiên H phải chịu 15.072.746đ (*mười lăm triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn, bảy trăm bốn mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP ĐA20.120.000đ (*Hai mươi triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng*) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000833 ngày 01/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4.Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh QN*
- *Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hạ Long*
- *Chi cục thi hành án dân sự Tp. Hạ Long*
- *Đương sự;*
- *Lưu văn phòng;*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Yến